

Số : /2009/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2009

Dự thảo

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ
Quy định về xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Nghị định này quy định việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức vi phạm các quy định của pháp luật.
2. Nghị định này áp dụng đối với những người là cán bộ, công chức quy định tại Điều 4 của Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008 (sau đây gọi tắt là Luật cán bộ, công chức).

Điều 2. Các trường hợp bị xử lý kỷ luật

1. Vi phạm việc thực hiện nghĩa vụ của cán bộ, công chức quy định tại Điều 8, 9 và Điều 10 của Luật cán bộ, công chức.
2. Vi phạm những việc cán bộ, công chức không được làm quy định tại Điều 18, 19 và Điều 20 của Luật cán bộ, công chức.
3. Vi phạm pháp luật bị Tòa án tuyên là có tội hoặc bị cơ quan có thẩm quyền kết luận bằng văn bản về hành vi vi phạm pháp luật.

Điều 3. Các trường hợp chưa xem xét kỷ luật

Chưa xem xét kỷ luật đối với cán bộ, công chức trong các trường hợp sau:

1. Đang trong thời gian nghỉ phép, nghỉ theo chế độ, nghỉ việc riêng được người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cho phép.
2. Đang trong thời gian điều trị tại bệnh viện.
3. Đang bị tạm giam, tạm giữ, khởi tố, chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, xác minh đối với hành vi vi phạm pháp luật.
4. Cán bộ, công chức nữ nghỉ thai sản.

Điều 4. Các trường hợp không bị xử lý kỷ luật

1. Vi phạm pháp luật trong trường hợp mất năng lực hành vi dân sự theo kết luận của cơ quan y tế có thẩm quyền.
2. Phải thi hành quyết định của cấp trên theo quy định tại khoản 5, Điều 9 của Luật cán bộ, công chức.
3. Tình thế bất khả kháng trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ và được cấp có thẩm quyền xác nhận.

Điều 5. Các nguyên tắc xem xét xử lý kỷ luật cán bộ, công chức

1. Khách quan, công bằng, nghiêm minh, đúng thời hiệu, thời hạn, thẩm quyền, quy trình.
2. Quyết định xử lý kỷ luật phải do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền ký theo đúng quy định của Nghị định này.
3. Mỗi hành vi vi phạm chỉ bị xử lý một hình thức kỷ luật. Nếu cán bộ, công chức có nhiều hành vi vi phạm trong cùng một thời gian và cùng được xem xét xử lý kỷ luật thì bị xử lý kỷ luật về từng hành vi và chịu hình thức kỷ luật cao hơn một mức so với hành vi vi phạm bị xử lý hình thức kỷ luật cao nhất.
4. Cấm mọi hành vi xâm phạm thân thể, danh dự, nhân phẩm của cán bộ, công chức trong quá trình xem xét xử lý kỷ luật; cấm áp dụng biện pháp phạt tiền thay cho hình thức kỷ luật.

Điều 6. Khiếu nại, khởi kiện

1. Trường hợp cán bộ, công chức không đồng ý với quyết định xử lý kỷ luật thì có quyền khiếu nại đến cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
2. Cán bộ, công chức giữ chức vụ từ Vụ trưởng và tương đương trở xuống bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc, nếu có khiếu nại mà sau khi giải quyết khiếu nại vẫn bị buộc thôi việc thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của pháp luật.
3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi nhận được khiếu nại của cán bộ, công chức phải có trách nhiệm xem xét giải quyết khiếu nại và trả lời đương sự theo đúng thẩm quyền và đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Giải quyết các kết luận sau khi giải quyết khiếu nại

1. Quyết định xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền kết luận hoặc Tòa án phán quyết là bị oan sai thì chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết luận hoặc từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi cán bộ, công chức làm việc có trách nhiệm công bố công khai kết luận hoặc phán quyết trên đến toàn thể cán bộ, công chức. Theo quy định của pháp luật, cơ quan kỷ luật oan sai có trách nhiệm giải quyết những quyền lợi chính đáng đối với cán bộ, công chức trong thời gian bị kỷ luật oan sai.
2. Trường hợp cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cách chức, sau đó được kết luận là oan sai thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm bố trí công tác phù hợp, không nhất thiết bố trí trở lại đúng vị trí công tác cũ.
3. Trường hợp cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo kết luận việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức tiến hành không đúng quy định về thẩm quyền, nội dung, hình thức, quy trình xử lý thì người đứng đầu cơ quan đã ký quyết định kỷ luật phải ra quyết định hủy bỏ quyết định xử lý kỷ luật, đồng thời tổ chức lại việc xem xét xử lý kỷ luật cán bộ, công chức theo đúng quy định.

Chương II XỬ LÝ KỶ LUẬT

Mục 1

THỜI HIỆU, THỜI HẠN XỬ LÝ KỶ LUẬT

Điều 8. Thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật

1. Thời hiệu xử lý kỷ luật là 24 tháng, là khoảng thời gian quy định phải tiến hành xem xét xử lý kỷ luật cán bộ, công chức và được tính từ thời điểm cán bộ, công chức có hành vi vi phạm pháp luật cho đến khi xem xét xử lý kỷ luật. Quá thời gian này, cán bộ, công chức có hành vi vi phạm không bị xem xét xử lý kỷ luật.
2. Thời hạn xử lý kỷ luật không quá 02 tháng, là khoảng thời gian quy định được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm kỷ luật của cán bộ, công chức cho đến khi có quyết định xử lý kỷ luật của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Trường hợp vụ việc có những tình tiết phức tạp cần có thời gian thanh tra, kiểm tra để xác minh làm rõ thêm thì thời hạn này có thể kéo dài nhưng tối đa không quá 04 tháng.
3. Trường hợp phải tiến hành xem xét lại việc kỷ luật cán bộ, công chức quy định tại khoản 2, Điều 7 của Nghị định này thì thời hạn xử lý kỷ luật được tính từ khi nhận được kết luận của cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.
4. Thời gian tạm thời chưa xem xét kỷ luật đối với cán bộ, công chức trong các trường hợp quy định tại Điều 3 Nghị định này và thời gian tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ, công chức theo quy định tại Điều 81 Luật cán bộ, công chức không tính vào thời hiệu xem xét xử lý kỷ luật.
5. Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức và người đứng đầu cơ quan sử dụng cán bộ, công chức phải có trách nhiệm phát hiện và tiến hành xử lý kỷ luật cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật trong thời hiệu quy định.

Điều 9. Các trường hợp tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ, công chức trong thời gian xem xét, xử lý kỷ luật

1. Cán bộ, công chức nếu tiếp tục làm việc có thể gây khó khăn cho việc xem xét xử lý.
2. Cán bộ, công chức bị tạm giữ, tạm giam hoặc cần phải đình chỉ công tác để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử.
3. Hết thời hạn tạm đình chỉ công tác nếu cán bộ, công chức không bị xử lý kỷ luật thì được tiếp tục bố trí làm việc ở vị trí cũ hoặc bố trí công tác khác phù hợp.

Mục 2 HỘI ĐỒNG KỶ LUẬT

Điều 10. Hội đồng kỷ luật

1. Hội đồng kỷ luật do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền thành lập, thực hiện nhiệm vụ tư vấn cho người có thẩm quyền trong việc áp dụng hình thức kỷ luật phù hợp với vi phạm của

cán bộ, công chức. Hội đồng kỷ luật làm việc theo các quy định tại Nghị định này và tự giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Số lượng thành viên tham gia Hội đồng kỷ luật là 5 người, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Một uỷ viên Hội đồng là đại diện Ban chấp hành công đoàn cùng cấp cơ quan, tổ chức, đơn vị;

c) Một uỷ viên Hội đồng là đại diện cán bộ, công chức của bộ phận công tác có người vi phạm kỷ luật (do tập thể cán bộ, công chức ở bộ phận đó cử ra);

d) Một uỷ viên Hội đồng là người trực tiếp quản lý hành chính và chuyên môn nghiệp vụ của người vi phạm;

đ) Một uỷ viên Hội đồng là người phụ trách tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị có người vi phạm.

3. Trường hợp người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị vi phạm kỷ luật thì người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý cấp trên trực tiếp quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật để xem xét xử lý. Trong trường hợp này, thành phần Hội đồng kỷ luật là 5 người, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp;

b) Một uỷ viên Hội đồng là đại diện đảng uỷ cấp trên trực tiếp của đảng uỷ cơ quan, tổ chức đơn vị;

c) Một uỷ viên Hội đồng là đại diện đảng uỷ cùng cấp;

d) Một uỷ viên Hội đồng là đại diện Ban chấp hành công đoàn cùng cấp cơ quan, tổ chức, đơn vị có cán bộ, công chức vi phạm.

đ) Một uỷ viên Hội đồng là người phụ trách tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị có người vi phạm.

4. Người có quan hệ gia đình như cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em của cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật không được cử tham gia thành viên Hội đồng kỷ luật.

5. Hội đồng kỷ luật có thể mời đại diện của tổ chức chính trị, chính trị xã hội có cán bộ, công chức vi phạm đang tham gia sinh hoạt đến dự họp, được tham gia phát biểu ý kiến và đề xuất mức độ xem xét kỷ luật nhưng không được quyền biểu quyết hình thức kỷ luật.

6. Thư ký Hội đồng kỷ luật là cán bộ, công chức thuộc bộ phận tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị do Chủ tịch Hội đồng chỉ định và có nhiệm vụ chuẩn bị tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc xử lý kỷ luật, chịu trách nhiệm ghi biên bản cuộc họp của Hội đồng kỷ luật.

Điều 11. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng kỷ luật

1. Khách quan, công khai, dân chủ và đúng pháp luật.

2. Hội đồng chỉ họp khi có đầy đủ các thành viên.

3. Kiến nghị áp dụng hình thức kỷ luật thông qua biểu quyết bằng phiếu kín.

4. Các cuộc họp của Hội đồng kỷ luật phải có biên bản và được Hội đồng thông qua trước khi Chủ tịch Hội đồng ký.

Mục 3

QUY TRÌNH XEM XÉT XỬ LÝ KỶ LUẬT

Điều 12. Tổ chức họp kiểm điểm cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật.

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tổ chức cuộc họp để cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật kiểm điểm và tự nhận hình thức kỷ luật trước tập thể. Biên bản cuộc họp kiểm điểm có kiến nghị hình thức kỷ luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Hồ sơ trình Hội đồng kỷ luật gồm có bản kiểm điểm; trích ngang sơ yếu lý lịch của cán bộ, công chức vi phạm; biên bản họp kiểm điểm của cơ quan, tổ chức, đơn vị và các tài liệu, hồ sơ có liên quan đến việc xử lý kỷ luật.

Điều 13. Hội đồng kỷ luật họp xem xét xử lý kỷ luật

1. Trước khi họp 7 ngày, Hội đồng kỷ luật gửi giấy báo triệu tập cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật tới tham dự. Nếu cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật vắng mặt phải có lý do chính đáng. Sau 02 lần gửi giấy triệu tập mà đương sự vẫn vắng mặt hoặc không chịu viết bản kiểm điểm theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị thì Hội đồng kỷ luật vẫn họp xem xét và kiến nghị hình thức kỷ luật.

2. Trình tự họp Hội đồng kỷ luật

a) Chủ tịch Hội đồng tuyên bố lý do, giới thiệu các thành viên tham dự.

b) Thư ký Hội đồng trình bày trích ngang sơ yếu lý lịch, hồ sơ và các tài liệu có liên quan.

c) Cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật đọc Bản kiểm điểm, tự nhận hình thức kỷ luật. Trường hợp cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật vắng mặt thì thư ký Hội đồng đọc thay.

- d) Thư ký Hội đồng đọc biên bản cuộc họp kiểm điểm cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị.
- đ) Các thành viên Hội đồng và các đại biểu dự họp phát biểu ý kiến.
- e) Cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật phát biểu ý kiến.
- g) Hội đồng kỷ luật tiến hành bỏ phiếu kín kiến nghị áp dụng hình thức kỷ luật và kết quả bỏ phiếu được thông báo ngay tại cuộc họp.
- h) Hội đồng thông qua biên bản cuộc họp và Chủ tịch Hội đồng ký vào biên bản.

Điều 14. Quyết định xử lý kỷ luật

1. Thời hạn và trách nhiệm ra quyết định kỷ luật

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi kết thúc cuộc họp, Hội đồng kỷ luật phải có văn bản (kèm theo biên bản, các hồ sơ, tài liệu có liên quan) gửi người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức vi phạm.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Hội đồng kỷ luật, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền phải ra quyết định kỷ luật cán bộ, công chức vi phạm. Trường hợp cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật thuộc thẩm quyền của cấp cao hơn quyết định thì thời hạn ra quyết định kỷ luật là 30 ngày.

c) Trường hợp người đứng đầu có ý kiến khác với kiến nghị của Hội đồng kỷ luật (hoặc ý kiến của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị) thì trao đổi với Hội đồng kỷ luật, nếu vẫn không thống nhất thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền ra quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc xử lý kỷ luật và quyết định kỷ luật phải được lưu giữ trong hồ sơ cán bộ, công chức. Hình thức kỷ luật phải ghi vào lý lịch của cán bộ, công chức.

Điều 15. Các trường hợp đặc biệt

1. Trường hợp người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị vi phạm kỷ luật thì việc tổ chức và chủ trì họp kiểm điểm do người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cấp trên trực tiếp thực hiện. Thành phần mời tham dự họp là các cán bộ, công chức giữ vị trí lãnh đạo chủ chốt trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và do lãnh đạo cấp trên trực tiếp quyết định.

2. Trường hợp cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật trong thời gian biệt phái thì việc xem xét, xử lý kỷ luật do Hội đồng kỷ luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị được biệt phái tiến hành, sau đó gửi toàn bộ hồ sơ và quyết định kỷ luật về cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý cán bộ, công chức đó lưu vào hồ sơ theo dõi, quản lý.

3. Trường hợp cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật trước khi chuyển công tác về cơ quan, tổ chức, đơn vị mới thì cơ quan, tổ chức, đơn vị cũ vẫn tiến hành xem xét kỷ luật, sau đó gửi toàn bộ hồ sơ và quyết định kỷ luật về cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý cán bộ, công chức lưu vào hồ sơ theo dõi, quản lý. Nếu cơ quan, tổ chức, đơn vị cũ đã hết nhiệm kỳ hoạt động hoặc đã giải thể, sát nhập, chia tách, thì việc xem xét xử lý kỷ luật sẽ do cơ quan, tổ chức, đơn vị mới thực hiện.

4. Trường hợp cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật giữ chức vụ lãnh đạo cấp Bộ, cấp tỉnh hoặc tương đương thì căn cứ kết luận của Ủy ban Kiểm tra Trung ương hoặc của cấp có thẩm quyền, người đứng đầu cơ quan quản lý cán bộ, công chức trình cấp có thẩm quyền ra Quyết định kỷ luật. Trong trường hợp này chỉ tổ chức họp kiểm điểm cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật, không thành lập Hội đồng kỷ luật.

Mục 4

ÁP DỤNG HÌNH THỨC KỶ LUẬT

Điều 16. Đối tượng áp dụng hình thức kỷ luật

1. Hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, buộc thôi việc được áp dụng đối với mọi cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật.

2. Hình thức kỷ luật hạ bậc lương được áp dụng đối với cán bộ, công chức vi phạm đang giữ bậc lương cao hơn bậc một của ngạch hoặc chức danh. Không áp dụng hình thức hạ bậc lương đối với cán bộ, công chức đang hưởng thâm niên vượt khung.

3. Hình thức kỷ luật giáng chức, cách chức chỉ áp dụng đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

4. Hình thức kỷ luật bãi nhiệm chỉ áp dụng đối với cán bộ giữ chức danh do bầu cử.

Điều 17. Áp dụng hình thức kỷ luật

1. Hình thức kỷ luật khiển trách áp dụng đối với mọi cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật lần đầu, ở mức độ nhẹ, do trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu khi để cơ quan, tổ chức đơn vị có vi phạm pháp luật chưa đến mức nghiêm trọng.

2. Hình thức kỷ luật cảnh cáo áp dụng đối với cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách mà tái phạm; hoặc vi phạm ở mức độ nhẹ nhưng khuyết điểm có tính chất thường xuyên; hoặc tuy mới vi phạm lần đầu nhưng có tính chất tương đối nghiêm trọng; hoặc vi phạm lần đầu nhưng liên quan đến tư cách, phẩm chất của cán bộ, công chức, làm ảnh hưởng đến uy tín của cơ

quan, tổ chức, đơn vị; hoặc vi phạm nghĩa vụ cán bộ, công chức liên quan đến trách nhiệm rèn luyện, học tập, kỷ cương, tác phong của cán bộ, công chức; làm giả hồ sơ, lý lịch và sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp nhưng chưa gây hậu quả; vi phạm ở mức độ nhẹ những việc cán bộ, công chức không được làm quy định tại Điều 18, 19 và Điều 20 của Luật cán bộ, công chức; do trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu khi để cơ quan, tổ chức, đơn vị có hành vi vi phạm pháp luật, kỷ luật tương đối nghiêm trọng.

3. Hình thức kỷ luật hạ bậc lương áp dụng đối với cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo mà tái phạm liên quan đến đạo đức công vụ; làm giả hồ sơ, lý lịch và sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp để được nâng bậc lương hoặc nâng ngạch; vi phạm kỷ luật và pháp luật nghiêm trọng trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ; vi phạm tương đối nghiêm trọng những điều cán bộ, công chức không được làm quy định tại Điều 18, 19 và Điều 20 của Luật cán bộ, công chức.

4. Hình thức kỷ luật giáng chức áp dụng đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ vi phạm kỷ luật tương đối nghiêm trọng do lỗi không cố ý, về phẩm chất, uy tín còn có thể đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo; do trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu khi để cơ quan, tổ chức, đơn vị có hành vi vi phạm pháp luật, kỷ luật nghiêm trọng. Đối với trường hợp cán bộ, công chức giữ chức vụ vi phạm kỷ luật ở mức này nếu không còn chức danh lãnh đạo thấp hơn thì áp dụng hình thức kỷ luật cách chức.

5. Hình thức kỷ luật cách chức áp dụng đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ có hành vi vi phạm kỷ luật và pháp luật nghiêm trọng, về phẩm chất, uy tín không thể đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo; do trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu khi để cơ quan, tổ chức, đơn vị có hành vi vi phạm pháp luật, kỷ luật rất nghiêm trọng.

6. Hình thức kỷ luật bãi nhiệm áp dụng đối với cán bộ được bầu cử theo nhiệm kỳ vi phạm pháp luật và kỷ luật nghiêm trọng không còn đủ uy tín để có thể đảm nhiệm chức danh được bầu cử.

7. Hình thức kỷ luật buộc thôi việc áp dụng đối với cán bộ, công chức trong các trường hợp sau:

a) Cán bộ, công chức phạm tội bị Tòa án phạt tù giam;

b) Cán bộ, công chức đang trong thời gian thi hành một trong các hình thức kỷ luật giáng chức, cách chức mà tái phạm hoặc tiếp tục vi phạm kỷ luật;

c) Cán bộ, công chức tuy có hành vi vi phạm lần đầu nhưng tính chất và mức độ vi phạm rất nghiêm trọng, không còn xứng đáng đứng trong đội ngũ cán bộ, công chức;

d) Cán bộ, công chức sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp để được tuyển dụng vào cơ quan, tổ chức, đơn vị của nhà nước;

đ) Cán bộ, công chức nghiện ma túy;

e) Cán bộ, công chức tự ý bỏ việc và đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi giấy gọi 3 lần mà không đến làm việc.

Mục 5

CÁC QUY ĐỊNH KHÁC VỀ KỶ LUẬT

Điều 18. Các quy định liên quan đến việc thi hành quyết định kỷ luật đối với cán bộ, công chức.

1. Cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm để có thể giữ nguyên vị trí công tác cũ hoặc được bố trí làm công tác khác.

2. Sau 6 tháng kể từ ngày quyết định kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo và sau 12 tháng kể từ ngày quyết định kỷ luật bằng hình thức giáng chức, cách chức, cơ quan có thẩm quyền mới được quyết định nâng bậc lương đối với cán bộ, công chức đã đủ hoặc quá thời hạn nâng bậc lương, thời gian được hưởng bậc lương mới tính từ ngày đủ thời gian nâng bậc lương (đã được kéo dài thời hạn nâng bậc lương theo quy định tại khoản 1 Điều 82 của Luật cán bộ, công chức).

3. Cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật bằng hình thức hạ bậc lương thì thời gian nâng bậc lương được tính lại kể từ khi quyết định kỷ luật có hiệu lực.

4. Cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc

a) Cán bộ, công chức bị kỷ luật buộc thôi việc không được hưởng chế độ thôi việc nhưng được cơ quan bảo hiểm xác nhận thời gian làm việc đã đóng bảo hiểm xã hội để thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

b) Cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức lưu giữ hồ sơ cán bộ, công chức bị kỷ luật buộc thôi việc và có trách nhiệm cung cấp bản tóm tắt lý lịch và nhận xét (có xác nhận) khi cán bộ, công chức có yêu cầu.

c) Sau 12 tháng kể từ khi quyết định kỷ luật buộc thôi việc có hiệu lực, cán bộ, công chức được đăng ký dự tuyển vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị của nhà nước, trừ các vị trí công tác có liên quan đến nhiệm vụ, công vụ đã đảm nhiệm trước đây. Trường hợp cán bộ, công chức bị kỷ luật buộc thôi việc do phạm tội bị phạt tù thì phải sau 12 tháng kể từ khi chấp hành xong bản án, đã được xóa án tích và đã thực hiện xong các biện pháp xử lý hành chính.

Điều 19. Chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức đang trong thời gian tạm đình chỉ công tác

1. Trong thời gian tạm đình chỉ công tác theo quy định tại Điều 81 Luật cán bộ, công chức thì cán bộ, công chức được hưởng 50% tiền lương và các khoản phụ cấp (nếu có).
2. Trường hợp cán bộ, công chức không bị xử lý kỷ luật sẽ được truy lĩnh 50% phần tiền lương và các khoản phụ cấp (nếu có) còn lại trong thời gian tạm đình chỉ công tác. Thời gian tạm đình chỉ công tác được tính thời gian được nâng bậc lương theo quy định.
3. Trường hợp cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật sẽ không được truy lĩnh phần tiền lương và các khoản phụ cấp (nếu có) còn lại trong thời gian tạm đình chỉ công tác. Thời gian tạm đình chỉ công tác không được tính thời gian được nâng bậc lương theo quy định.

Mục 6

XỬ LÝ KỶ LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 20. Xử lý kỷ luật cán bộ cấp xã

1. Cán bộ cấp xã vi phạm các quy định của pháp luật phải chịu một trong các hình thức kỷ luật sau đây:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Cách chức;
- d) Bãi nhiệm.

2. Đối với trường hợp xử lý kỷ luật cán bộ cấp xã bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo, cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ ở cấp huyện chủ trì tổ chức họp kiểm điểm và thành lập Hội đồng kỷ luật, xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định tại Điều 12,13 và Điều 14 của Nghị định này.

3. Đối với trường hợp xử lý kỷ luật cán bộ cấp xã bằng hình thức cách chức, bãi nhiệm, cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ ở cấp huyện xem xét, chỉ đạo Hội đồng nhân dân, hoặc tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở cấp xã thực hiện quy trình cách chức, bãi nhiệm theo quy định của Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân hoặc theo quy định của Điều lệ Đảng, Điều lệ của tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 21. Xử lý kỷ luật công chức cấp xã

1. Công chức cấp xã vi phạm các quy định của pháp luật thì phải chịu một trong các hình thức kỷ luật sau:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Hạ bậc lương;
- d) Giáng chức (áp dụng đối với trường hợp công an, chỉ huy trưởng quân sự);
- đ) Cách chức (áp dụng đối với trường hợp công an, chỉ huy trưởng quân sự);
- e) Buộc thôi việc.

2. Cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức cấp xã ở cấp huyện chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức họp kiểm điểm và thành lập Hội đồng kỷ luật, xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định tại Điều 12,13 và Điều 14 của Nghị định này.

Chương III

THẨM QUYỀN XỬ LÝ KỶ LUẬT

Điều 22. Thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với cán bộ, công chức

1. Cấp nào có thẩm quyền bổ nhiệm, phê chuẩn cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thì cấp đó xem xét và ra quyết định kỷ luật.

2. Việc thi hành kỷ luật bằng hình thức cách chức, bãi nhiệm đối với chức vụ, chức danh do bầu cử, phê chuẩn phải thực hiện theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ của tổ chức chính trị, chính trị - xã hội.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng công chức xem xét và ra quyết định kỷ luật đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, trường hợp công chức đó do cấp trên quản lý thì trình cấp trên có thẩm quyền quyết định.

4. Cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật bằng các hình thức hạ bậc lương và buộc thôi việc mà việc nâng bậc lương hoặc tuyển dụng do cấp trên quyết định thì trình cấp trên có thẩm quyền nâng bậc lương hoặc tuyển dụng quyết định.

5. Việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức cấp xã do cơ quan, tổ chức quản lý cán bộ, công chức ở cấp huyện quyết định.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này thay thế Nghị định số 35/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức.
2. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

Điều 24. Trách nhiệm hướng dẫn thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra thi hành Nghị định này.

Điều 25. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, PL (5b).

Nguyễn Tấn Dũng